

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LK  
TỈNH ĐN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 27 - 4 - 2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LK, TỈNH ĐN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Hồng Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Trực, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LK.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LK tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LK, tỉnh ĐN tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2022/LTST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị Đặng Ngọc L, sinh năm 1993; nơi thường trú: Thôn Nứa, xã Liên Hiệp, huyện HH, tỉnh TB.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1992; nơi thường trú: Số 50/10 đường Cách Mạng tháng Tám, phường Xuân Hòa, thành phố LK, tỉnh ĐN .

*(Anh K, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2021 lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Đặng Ngọc L trình bày:***

Chị Đặng Ngọc L và anh Nguyễn Xuân K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Xuân Hòa, thị xã (nay là thành phố LK), tỉnh ĐN , được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/10/2017.

Sau khi chung sống với nhau được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp, nên anh chị tự sống ly thân từ năm 2019.

Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, để ổn định đời sống riêng, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân K.

Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/01/2022 bị đơn anh Nguyễn Xuân K trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị L như chị L đã trình bày. Anh chị chung sống từ năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hòa, thị xã LK. Quá trình chung sống không có hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh chị thường xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân sau khi về chung sống được thời gian ngắn. Nay chị L có yêu cầu xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Chị Đặng Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Xuân K; về con chung: Không có nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân K. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Xuân K có nơi cư trú tại: Số 50/10 đường Cách Mạng tháng Tám, phường Xuân Hòa, thành phố LK, tỉnh ĐN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố LK theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hòa, thị xã LK (nay là thành phố LK), được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định, vào sổ cấp giấy số 44/2017 ngày 17/10/2017, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

*Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn - Chị Đặng Ngọc L, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Trong quá trình chung sống chị L và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và đã sống ly thân từ tháng năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị L, anh K mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Về phía bị đơn - anh K cũng đồng ý ly hôn, nhưng không muốn gặp nhau để hòa giải mà yêu cầu Tòa án xét xử. Xét thấy, cả chị L và anh K đều không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ, không còn quan tâm đến nhau. Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau; vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn chung sống trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng từ tháng năm 2019 đến nay. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ. Hơn nữa, anh K cũng đồng ý ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L, anh K xác định vợ chồng chung sống không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh K khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238;

Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Xuân K.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Ngọc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0005307 ngày 10/01/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố LK, tỉnh ĐN . Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Ngọc L và anh Nguyễn Xuân K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐN ;
- VKSND TP. LK;
- THADS TP. LK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Trang**

